TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/KDTM - ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin;

2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Phụng - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-KDTM ngày 21/6/2023 về việc tranh chấp "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-KDTM ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Á2 (Ngân hàng Á2)

Địa chỉ: D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Nguyễn Thị Xuân Á, sinh năm 1989; chức vụ: chuyên viên xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/5/2023, có mặt ngày 26/9/2023, vắng mặt ngày 29/9/2023).

- *Bị đơn:*

1. Ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 (T1; vắng mặt ngày 26/9/2023; có mặt ngày 29/9/2023)

2. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: C Khu V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng C;

Người đại diện của Văn phòng: Ông Võ Văn N – Trưởng văn phòng là người đại diện theo pháp luật (xin vắng mặt);

Địa chỉ: 1 C, Ô Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, gười đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Xuân Á trình bày:

Ngày 19/10/2022, Ngân hàng Á2 và Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 – bà Đỗ Thị T; ông Tống Đức D xác lập Hợp đồng tín dụng số DUH.DN.2340.181022; Thỏa thuận về các điều khoản tín dụng chung số DUH.DN.2339.181022 để vay số tiền 7.000.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt, thép, tole và các vật liệu ngành xây dựng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh buôn bán sắt thép; phương thức giải ngân và thời hạn cho vay: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể; lãi suất trong hạn được quy định trong kế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất phạt chậm trả : 10%/năm.

Để thực hiện thỏa thuận tín dụng và hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Á2 đã giải ngân cho Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 – bà Đỗ Thị T; ông Tống Đức D như sau:

- Khế ước nhận nợ số 374633239 ngày 07/10/2022, số tiền 3.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay từ ngày 08/10/2022 đến ngày 07/4/2023; lãi suất trong hạn 9,8%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần;
- Khế ước nhận nợ số 374810109 ngày 10/10/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay từ ngày 11/10/2022 đến ngày 10/4/2023; lãi suất trong hạn 10,2%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần;
- Khế ước nhận nợ số 375888719 ngày 19/10/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng; thời hạn cho vay từ ngày 08/10/2022 đến ngày 07/4/2023; lãi suất trong hạn 10,2%/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng, lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Đỗ Thị T là chủ T1 và ông Tống Đức D vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng Á2. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, ngày 07/4/2023, ngày 10/4/2023 và ngày 19/4/2023, khoản vay theo các khế ước nhận nợ nêu trên đáo hạn nhưng bà Đỗ Thị T là chủ T1 và ông Tống Đức D không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ số tiền nợ gốc chưa trả của Khế ước nhận nợ số 374633239, 374810109 và 375888719,

Tính đến ngày 29/9/2023, bà Đỗ Thị T là chủ T1 và ông Tống Đức D còn nợ A tổng số tiền 7.710.654.039 đồng;

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau: Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 256, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 913361, vào sổ cấp

GCN số CS 11557 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 12/11/2018. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 02/7/2019; Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 913362, vào sổ cấp GCN số CS 11558 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 12/11/2018. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 02/7/2019.

Tài sản thế chấp cho Ngân hàng căn cứ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DUH.BDDN.255.271021 được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Văn N, số công chứng 5909, quyển số 12/2021TP/CC-SCC/HDGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, tỉnh Long An ngày 03/11/2021 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 02/11/2021.

Ngân hàng khởi kiện:

- Buộc chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 – bà Đỗ Thị T và ông Tống Đức D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/9/2023; gồm tiền gốc là 7.000.000.000 đồng; tiền lãi là 710.654.039 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 206.482.193 đồng; tiền lãi quá hạn là 492.287.671 đồng, phạt là 11.884.175 đồng)

- Buộc chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 – bà Đỗ Thị T và ông Tống Đức D tiếp tục trả lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ của Ngân hàng từ ngày 30/9/2023 đến ngày trả hết nợ;

- Trường hợp chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 – bà Đỗ Thị T và ông Tống Đức D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì các tài sản đảm bảo được Cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa 256, 258, tờ bản đồ số 43, tại xã T, huyện B, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của ông D, bà T

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 trình bày:

Ông và bà T là vợ chồng. Doanh nghiệp tư nhân T1 do vợ chồng ông là chủ. Tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, bà T đứng tên chủ doanh nghiệp; hiện nay đã đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp từ bà Đỗ Thị T sang tên ông là Tống Đức D.

Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, do gặp khó khăn về kinh tế nên ông xin Ngân hàng cho vợ chồng ông thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng để bán tài sản.

Đối với tài sản thế chấp: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C có văn bản trình bày

Ngày 02/11/2021, ông Tống Đức D cùng vợ là bà Đỗ Thị T đã đến Văn phòng C, tỉnh Long An yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp thửa đất số 256, 258, tờ bản đồ 43, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An với Ngân hàng Á2.

Khi đến công chứng ông bà đã xuất trình đầy đủ giấy tờ cần thiết (bản chính), ông bà đã nghe công chứng viên giải thích rõ về nội dung trong Hợp đồng và đã đồng ý ký tên, điểm chỉ vào Hợp đồng trước mặt Công chứng viên, riêng Ngân hàng đã ký trước vào Hợp đồng, chữ ký đúng với chữ ký đã đăng ký mẫu tại Văn phòng C, tỉnh Long An. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng qui định pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký, người tiến hành tố tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Á2 với ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T đúng quy định pháp luật. Đến hạn trả nợ, ông D và bà T không thanh toán cho Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ đề nghị HĐXX chấp nhận và được xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông D, bà T không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng Á2 khởi kiện ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, mục đích "bổ sung vốn lưu động kinh doanh ..." nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng tín dụng", ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T có địa chỉ cư trú tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về xét xử vắng mặt: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và Văn phòng công chứng Võ Văn N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về yêu cầu trả tiền gốc:

Xét Hợp đồng tín dụng số DUH.DN.2340.181022 ngày 19/10/2022 giữa Ngân hàng Á2 với Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 – Ông Tống Đức D; bà Đỗ Thị T: Về bản chất, đây là hợp đồng vay tài sản, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91,95 Luật tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch. Ngày 07/4/2023, ngày 10/4/2023 và ngày

19/4/2023, khoản vay theo các khế ước nhận nợ đã đến hạn thanh toán nhưng ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T phải thanh toán số nợ gốc là 7.000.000.000 đồng có cơ sở, được HĐXX chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi, phạt:

Lãi suất vay, phí các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi, phí theo cam kết nên Ngân hàng yêu cầu ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T phải trả tiền lãi, phạt tính đến ngày 29/9/2023 của hợp đồng tín dụng là 710.654.039 đồng (trong đó: tiền lãi trong hạn là 206.482.193 đồng; tiền lãi quá hạn là 492.287.671 đồng, phạt là 11.884.175 đồng) là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T phải liên đới trả cho Ngân hàng Á2 tổng số tiền của hợp đồng tín dụng là 7.710.654.039 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tiếp tục trả lãi, phạt quá hạn sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi, phí quá hạn tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ của Ngân hàng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3.4] Về biện pháp bảo đảm

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 256, 258, tờ bản đồ số 43, tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T và Ngân hàng được lập thành văn bản, có đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Do đó, trong trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số DUH.DN.2340.181022 ngày 19/10/2022, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[3.5] Về xác định chủ thể có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng: Tại thời điểm xác lập hợp đồng tín dụng, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng; khế ước nhận nợ và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, bà T là chủ T1. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án, Chủ T1 đã thay đổi là ông D theo Văn bản trả lời số 219/CV-ĐKKD ngày 13/7/2023 của Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh L và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đính kèm. Ông D và bà T là vợ chồng hợp pháp nên HĐXX quyết định buộc ông Tống Đức D là Chủ T1 và bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ liên đới đối với khoản vay của Ngân hàng như đã nhận định ở trên là phù hợp với quy định pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T phải chịu. Ngân hàng đã nộp và chi xong. Ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho Ngân hàng Á2 số tiền này.

[5] Về án phí: ông Tống Đức D là Chủ T1; bà Đỗ Thị T phải liên đới chịu án phí là 115.710.000 đồng trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466; Điều 288 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Á1 lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Á2 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Đỗ Thị T.

1.1. Buộc ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Đỗ Thị T phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á2 số tiền 7.710.654.039 đồng *(bảy tỷ, bảy trăm mười triệu; sáu trăm năm mươi bốn ngàn, không trăm ba mươi chín đồng).*

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Đỗ Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt theo thỏa thuận quy định tại Hợp đồng tín dụng số DUH.DN.2340.181022 ngày 19/10/2022; Thỏa thuận về các điều khoản tín dụng chung số DUH.DN.2339.181022 ngày 19/10/2022; Khế ước nhận nợ số 375888719 ngày 19/10/2022; Khế ước nhận nợ số 374810109 ngày 10/10/2022; Khế ước nhận nợ số 374633239 ngày 07/10/2022.

1.3. Trường hợp ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Đỗ Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, Ngân hàng TMCP Á2, được yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là Thửa đất số 256,

tờ bản đồ số 43, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 913361, vào sổ cấp GCN số CS 11557 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 12/11/2018. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 02/7/2019 và Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 43, địa chỉ: xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 913362, vào sổ cấp GCN số CS 11558 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 12/11/2018. Cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 02/7/2019 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số DUH.BDDN.255.271021 được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Văn N, số công chứng 5909, quyển số 12/2021TP/CC-SCC/HDGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, tỉnh Long An ngày 03/11/2021 để đảm bảo thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Đỗ Thị T phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần Á2 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Ông Tống Đức D là Chủ Doanh nghiệp tư nhân T1 và bà Đỗ Thị T phải liên đới chịu án phí là 115.710.000 đồng.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á2 57.616.480 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0003892 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu VP.

Lê Thị Tho